

CÔNG VĂN BẢN

Số: 987

Ngày: 30/12/2016

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3436 /QĐ - UBND

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2016

| SAO GỬI  | CT | TG | NGÀY HOẠT ĐỘNG |
|----------|----|----|----------------|
| GB       |    |    |                |
| HGD LONG |    | X  |                |
| PGD TUÂN | X  |    |                |
| VP       |    |    |                |
| TH       |    |    |                |
| TTRA     |    |    |                |
| GNDV     |    |    |                |
| QLPTDN   | X  |    |                |
| NNNT     |    |    |                |
| VHXH     |    |    |                |
| TĐ-GSĐT  |    |    |                |
| KTDN     |    |    |                |
| BKKD     |    |    |                |
| TTTTVT   |    |    |                |

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và  
Kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 của  
Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiên Lãng

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh  
tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ  
quy định chi tiết thi hành một số điều Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình  
thủy lợi và Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ sửa  
đổi, bổ sung Nghị định số 143/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về  
phân công, phân cấp thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ sở hữu  
nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh  
nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về  
đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại  
doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về  
công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 63/TT-KHĐT ngày  
19/12/2016 về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư  
phát triển giai đoạn 2016-2020 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác  
công trình thủy lợi Tiên Lãng,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát  
triển giai đoạn 2016-2020 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công  
trình thủy lợi Tiên Lãng với các nội dung chủ yếu sau:

## 1. Mục tiêu tổng quát

- Lấy nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi hiện có phục vụ tốt nhất cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp, các ngành kinh tế và đời sống dân sinh làm trọng tâm.

- Mở rộng các ngành nghề sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tăng thu ngân sách, tăng thêm thu nhập, ổn định và nâng cao đời sống người lao động, quyết tâm thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao hàng năm, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

## 2. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

### 2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020

| STT | Chỉ tiêu                       | Đơn vị tính             | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | KH thực hiện của kỳ KH 05 năm (2016-2020) |
|-----|--------------------------------|-------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|---|
| 1   | Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu |                         |          |          |          |          |          |   |
|     | - Diện tích tưới tiêu          | Ha                      | 25.065   | 25.697   | 25.697   | 25.697   | 25.697   | 127.853                                   |
|     | - Cấp nước thô                 | Triệu m <sup>3</sup>    | 0,6      | 0,65     | 0,75     | 0,9      | 1,1      | 4   |
| 2   | Doanh thu                      | Triệu đồng              | 27.407   | 27.950   | 28.500   | 29.000   | 29.650   | 142.507                                   |
|     | - Thủy lợi phí                 |                         | 26.717   | 27.215   | 27.675   | 28.040   | 28.510   | 138.157                                   |
|     | - Nước thô                     |                         | 540      | 585      | 675      | 810      | 990      | 3.600                                     |
|     | - Thu khác                     |                         | 150      | 150      | 150      | 150      | 150      | 750                                       |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế           | Triệu đồng              | 100      | 110      | 120      | 130      | 140      | 600                                       |
| 4   | Nộp ngân sách                  | Triệu đồng              | 100      | 110      | 120      | 130      | 140      | 600                                       |
| 5   | Tổng vốn đầu tư                | Triệu đồng              | 31.700   | 66.200   | 66.550   | 76.100   | 68.302   | 308.852                                   |
| 6   | Tổng số lao động               | Người                   | 189      | 192      | 195      | 200      | 200      | BQ: 196                                   |
| 7   | Thu nhập bình quân             | Triệu đồng /người/tháng | 4.773    | 5.011    | 5.262    | 5.525    | 5.801    | BQ: 5.274                                 |

### 2.2. Kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi, nâng cấp phân vùng tưới tiêu hệ thống thủy lợi Nam Sông Mới; kè hệ bờ, xử lý cống đê hữu sông Văn Úc.

- Đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn khác giai đoạn 2016-2020 cho các công trình dự án với tổng kinh phí dự kiến 308,852 tỷ đồng như sau:

+ Cấp tiếp cho 02 dự án đã được phê duyệt nhưng chưa được cấp đủ theo tổng mức đầu tư bằng nguồn ngân sách Trung ương: 122 tỷ đồng.

+ Cấp cho công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi nam sông Mới: 186,852 tỷ đồng.

Kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 như sau:

| STT         | Tên dự án   | Số QĐ phê duyệt             | Tổng mức đầu tư (tỷ đồng) |               |                 | Phân kỳ thực hiện (tỷ đồng) |             |              |             |               | Nguồn   |
|-------------|---|-----------------------------|---------------------------|---------------|-----------------|-----------------------------|-------------|--------------|-------------|---------------|---|
|             |   |                             | Tổng mức đầu tư           | Đã bố trí vốn | Chưa bố trí vốn | 2016                        | 2017        | 2018         | 2019        | 2020          |   |
| 1           | Nâng cấp phân vùng tưới tiêu hệ thống thủy lợi nam sông Mới                         | 2003/QĐ-UBND ngày 24/4/2009 | 70                        | 0             | 70              | -                           | 15          | 15           | 20          | 20            | Ngân sách Trung ương                                  |
| 2           | Kè hộ bờ, xử lý công đề hữu sông Văn Úc   | 1096/QĐ-UBND ngày 15/6/2010 | 75                        | 23            | 52              | -                           | 15          | 15           | 15          | 7             | Ngân sách Trung ương                                  |
| 3           | Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi nam sông Mới                          |                             | 186,852                   | 0             | 186,852         | 31,7                        | 36,2        | 36,55        | 41,1        | 41,3          | Ngân sách địa phương (160,74) và thủy lợi phí (26,11) |
| 4           | Các dự án thực hiện theo nghị quyết số 23/2013/NQ-HĐND, kèm theo QĐ số 1095/QĐ-UBND |                             | -                         | -             | -               | -                           | -           | -            | -           | -             |   |
| <b>Tổng</b> |   |                             | <b>331,852</b>            | <b>23</b>     | <b>308,852</b>  | <b>31,7</b>                 | <b>66,2</b> | <b>66,55</b> | <b>76,1</b> | <b>68,302</b> |   |

### 3. Các giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch

#### 3.1. Giải pháp về tài chính

##### 3.1.1. Đối với hoạt động dịch vụ công ích

- Chủ động triển khai thực hiện công tác xây dựng kế hoạch hoạt động dịch vụ công ích hàng năm: Xây dựng kế hoạch tưới tiêu cho từng vụ, cả năm, các kế hoạch biện pháp, phân công cán bộ kỹ thuật phụ trách địa bàn các xã, thị trấn kết hợp cùng các địa phương thực hiện tốt các biện pháp tưới tiêu đáp ứng yêu cầu sản xuất, ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tưới tiêu đảm bảo đúng chế độ, chính sách nhà nước quy định và các chỉ tiêu thành phố giao.

- Thực hiện tốt công tác thu lợi phí theo đúng chế độ chính sách nhà nước về việc ký kết hợp đồng, thanh lý hợp đồng tưới tiêu làm cơ sở thanh quyết toán với ngân sách.

- Tổ chức thực hiện việc sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn được chủ sở hữu giao cho Công ty.

- Thường xuyên chấp hành nghiêm túc Pháp lệnh Kế toán thống kê, nâng cao năng lực, trình độ ứng dụng tin học vào quản lý tài chính của cán bộ; thực hiện tốt chính sách thu lợi phí, công tác quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán, kế toán và kiểm toán theo chế độ nhà nước quy định.

### 3.1.2. Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

Nâng cao năng lực tài chính, tăng cường đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt quan tâm đầu tư thiết bị thi công cơ giới, thiết bị cơ khí phù hợp với tình hình tài chính và yêu cầu nhiệm vụ của Công ty để phát huy hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

### 3.2. Giải pháp về sản xuất

#### 3.2.1. Đối với hoạt động dịch vụ công ích

- Chủ động triển khai mục tiêu, nhiệm vụ của 5 năm giai đoạn 2016-2020 và cụ thể hoá bằng các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, bám sát các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao và mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty hàng năm.

- Triển khai thực hiện công tác xây dựng kế hoạch hoạt động dịch vụ công ích hàng năm từ kế hoạch tưới tiêu cho từng vụ, cả năm, các kế hoạch biện pháp, phân công cán bộ kỹ thuật phụ trách địa bàn các xã, thị trấn kết hợp cùng các địa phương thực hiện tốt các biện pháp tưới tiêu đáp ứng yêu cầu sản xuất, ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tưới tiêu đảm bảo đúng chế độ, chính sách nhà nước quy định.

- Khai thác gắn với công tác bảo vệ, đầu tư nâng cấp công trình, đảm bảo tính bền vững, lâu dài và đồng bộ, phù hợp với từng loại cây trồng, từng vùng sản xuất, từng ngành kinh tế và đời sống dân sinh.

#### 3.2.2. Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tích cực, chủ động đôn đốc việc ký kết hợp đồng mua - bán nước thô với các nhà máy nước sạch trên địa bàn huyện Tiên Lãng; có các biện pháp kiên quyết ngừng cấp nước thô đối với những nhà máy nước sạch cố tình không ký hợp đồng mua nước thô với Công ty.

- Mở rộng thêm lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác trên cơ sở phát huy tiềm năng của Công ty, nhu cầu của thị trường. Cùng cố đội xây lắp, tham gia thi

công các công trình trong và ngoài ngành, mở rộng sản xuất mặt hàng cơ khí, xây lắp điện, giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp.

### 3.3. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Chỉ đạo việc phân công nhiệm vụ cụ thể trong Ban Giám đốc, quy định rõ chức năng nhiệm vụ của các phòng chuyên môn nghiệp vụ, các đội sản xuất trong Công ty.

- Thực hiện quy chế luân chuyển cán bộ, đảm bảo tiêu chuẩn hoá cán bộ lãnh đạo chủ chốt; phấn đấu đến hết nhiệm kỳ 100% cán bộ chủ chốt từ trưởng các phòng, ban, đội có trình độ chuyên môn đại học và trình độ trung cấp chính trị.

- Xây dựng và áp dụng cơ chế khoán quản lý trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật đã được thành phố ban hành, gắn trách nhiệm với quyền lợi của người lao động.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân lao động của Công ty có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ bằng hình thức đào tạo và đào tạo lại để phục vụ yêu cầu ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ có chuyên môn kỹ thuật cao, đồng thời nắm vững chế độ chính sách, pháp luật của nhà nước để thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Luôn luôn đổi mới và xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, khoa học, văn minh của người lao động, lấy hiệu quả công việc làm tiêu chí sắp xếp cán bộ.

### 3.4. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

- Chủ động phát động phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi của Công ty, tiếp tục phát huy và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công trình cống, trạm bơm đã được áp dụng sáng kiến cải tạo vận hành bằng điện.

- Tích cực ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin trong quản lý tài chính, công tác kỹ thuật xây dựng, sửa chữa các công trình, quản lý vật tư, tài sản, quản lý lao động và quản lý điều hành công ty.

### 3.5. Giải pháp về quản lý điều hành.

#### 3.5.1. Giải pháp về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

- Xây dựng phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo Thông tư số 45/2009/TT-BNNPTNT ngày 24/7/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thực hiện cấm mốc giới hành lang bảo vệ các tuyến kênh trục chính.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nêu cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ công nhân lao động trong Công ty cũng như của cộng đồng về công tác bảo vệ công trình thủy lợi, đặc biệt là đối với người trực tiếp được giao nhiệm vụ quản lý vận hành công trình.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ công trình bằng nhiều hình thức mà nòng cốt là Phòng quản lý nước và công trình và các Đội thủy nông của công ty, phối kết hợp với các cấp, các ngành và chính quyền các địa phương, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi.
- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải gây ô nhiễm nguồn nước, kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc các cấp chính quyền địa phương để xử lý dứt điểm những vi phạm xả nước thải ô nhiễm xuống công trình thủy lợi.
- Xây dựng kế hoạch hoạt động dịch vụ công ích theo hướng tiến tới việc đặt hàng thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích theo Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ và Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính.
- Thực hiện tiếp nhận công trình thủy lợi theo Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 23/3/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố.
- Xây dựng quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi theo hướng thực hiện đa mục tiêu và phát triển bền vững.
- Xây dựng và thực hiện tốt phương án phòng chống hạn, xâm nhập mặn vụ đông xuân; phương án phòng, chống lụt bão cho toàn hệ thống, từng khu vực và từng công trình trọng điểm.

### 3.5.2. Giải pháp quản lý, điều hành

- Chỉ đạo thực hiện tốt các chế độ, chính sách của nhà nước, quản lý khai thác có hiệu quả hệ thống công trình thủy lợi, thực hiện tốt Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi, xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể chống lấn chiếm công trình.
- Thường xuyên cập nhật thông tin về chế độ, chính sách, pháp luật của nhà nước để bổ sung, sửa đổi và tổ chức thực hiện nghiêm túc điều lệ tổ chức hoạt động, thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động, quy chế hoạt động, phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của Công ty, chế độ chính sách của nhà nước; bảo đảm điều hành tốt sản xuất kinh doanh và quyền lợi của người lao động.

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở nội dung kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 tại Điều 1 Quyết định này, Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiên Lãng có trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020 theo quy định.

- Trên cơ sở tình hình thực hiện hàng năm, xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm theo định hướng kế hoạch giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt.

- Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiên Lãng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, bảo đảm hoàn thành kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Kế hoạch này có thể được điều chỉnh cho phù hợp sau khi kế hoạch đầu tư công trung hạn của thành phố được phê duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Tiên Lãng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký./.

### Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- CVP, các PCVP;
- CV: TL, DN, TC, NN;
- Lưu VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ  
CHỦ TỊCH



Ký bởi: Văn phòng  
Email: vpubnd@haiphong.gov.vn  
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng  
Thời gian ký: 09.02.2017 11:12:30  
Nguyễn Văn Tùng  
+07:00



